

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 357/2026/KDTM-PT

Ngày: 29/9/2026

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên

Các Thẩm phán:

Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Bà Lưu Thị Đoan Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Tâm Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 89/2026/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 03 năm 2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2025/KDTM-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực W, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5225/2026/QĐPT-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T; Địa chỉ: Khu phố A7, thị trấn B4, xã H9, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Bùi Thị Thúy O** - Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Cảnh Quỳnh T1**, sinh năm: 1999; Địa chỉ: Lầu F, 179EF đường E5, phường G6, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền ngày 15/8/2026).

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn L; Địa chỉ: Khu phố K8, xã S2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn P - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Minh N**, sinh năm: 1969; Địa chỉ: Số 58/31A đường R3, phường I7, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 16/7/2024).

- *Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn L.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của đại diện nguyên đơn:

Ngày 03/11/2023, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (sau đây gọi là Công ty T) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn L (sau đây gọi là Công ty L) thỏa thuận ký hợp đồng kinh tế số 031123/TT-QPL về việc mua bán cà phê, theo đó Công ty T mua 300.000kg cà phê Robusta xô (đơn giá 57.700 đồng/kg) của Công ty L, giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế VAT là 17.310.000.000 đồng, thời hạn giao hàng từ ngày 20/11/2023 đến ngày 30/11/2023.

Đến ngày 06/11/2023, Công ty T tiếp tục thỏa thuận ký với Công ty L hợp đồng kinh tế số 061123/TT-QPL về việc mua 200.000kg cà phê Robusta xô (đơn giá 57.900 đồng/kg), giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế VAT 11.580.000.000 đồng, thời hạn giao hàng từ ngày 20/11/2023 đến ngày 30/11/2023.

Tổng số cà phê Công ty T ký kết mua của Công ty L 500.000kg với tổng giá trị chưa bao gồm thuế VAT 28.890.000.000 đồng.

Tính đến ngày 20/12/2023, Công ty T chỉ nhận được 241.000kg và đã thanh toán cho Công ty L tổng số tiền 13.905.700.000 đồng tương ứng với 08 hóa đơn giá trị gia tăng Công ty L đã xuất (kèm theo hóa đơn là phiếu nhập kho và ủy nhiệm chi), cụ thể như sau:

- Hóa đơn số 288 ngày 27/11/2023: 22.000kg số tiền 1.269.400.000 đồng.
- Hóa đơn số 314 ngày 05/12/2023: 29.000kg số tiền 1.673.300.000 đồng.
- Hóa đơn số 340 ngày 14/12/2023: 33.000kg số tiền 1.904.100.000 đồng.
- Hóa đơn số 347 ngày 15/12/2023: 35.000kg số tiền 2.019.500.000 đồng.
- Hóa đơn số 348 ngày 15/12/2023: 13.000kg số tiền 750.100.000 đồng.
- Hóa đơn số 349 ngày 18/12/2023: 34.000kg số tiền 1.961.800.000 đồng.
- Hóa đơn số 357 ngày 19/12/2023: 45.000kg số tiền 2.596.500.000 đồng.
- Hóa đơn số 362 ngày 20/12/2023: 30.000kg số tiền 1.731.000.000 đồng.

Từ ngày 21/12/2023, Công ty L không tiếp tục thực hiện việc giao hàng mặc dù Công ty Tấn Tài đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin và gửi thông báo yêu cầu giao hàng (Thông báo số 01/TB ngày 28/12/2023, Thông báo 02/TB ngày 10/01/2024 và Thông báo số 03/TB ngày 17/01/2024). Vì phải giao hàng cho đối tác, Công ty T buộc phải tìm nhà cung cấp khác để mua bù số lượng cà phê còn thiếu.

Ngày 08/03/2024, Công ty T ký hợp đồng mua 259.000kg cà phê Robusta

xô (đơn giá 93.000 đồng/kg) của Công ty Cổ phần V (sau đây gọi là Công ty V) với tổng số tiền 24.087.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận của 02 Hợp đồng kinh tế đã ký kết thì Công ty L có nghĩa vụ giao đủ hàng cho Công ty T trong thời hạn từ ngày 20/11/2023 đến ngày 30/11/2023. Tuy nhiên, Công ty L không thực hiện giao hàng theo đúng thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ giao hàng đã gây thiệt hại kinh tế rất lớn đối với Công ty T vì phải mua gấp cà phê từ Công ty V để giao cho đối tác. Công ty T phải mua 259.000kg cà phê với tổng giá trị 24.087.000.000 đồng thay thế cho 259.000kg cà phê đã ký kết với Công ty L chưa được bàn giao, dẫn đến phải chi trả thêm 9.102.700.000 đồng để mua gấp số lượng cà phê còn thiếu giao cho đối tác.

Vì vậy, Công ty T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty L phải thanh toán phạt vi phạm Hợp đồng 1.198.744.000 đồng tương ứng 8% trên giá trị phần nghĩa vụ chưa thực hiện của 02 hợp đồng.

2. Buộc Công ty L phải bồi thường thiệt hại 9.102.700.000 đồng do Công ty Tấn Tài phải mua cà phê từ nhà cung cấp khác với giá cao hơn để giao hàng cho đối tác.

Đại diện của bị đơn trình bày:

Công ty L xác nhận ngày 03/11/2023 có ký hợp đồng kinh tế số 031123/TT-QPL về việc bán cho Công ty T 300.000kg cà phê Robusta xô (đơn giá 57.700 đồng/kg). Tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế VAT 17.310.000.000 đồng, thời gian giao hàng từ ngày 20/11/2023 đến ngày 30/11/2023.

Đến ngày 06/11/2023, hai bên tiếp tục ký hợp đồng kinh tế số 061123/TT-QPL, theo đó Công ty L tiếp tục bán cho Công ty T 200.000kg cà phê Robusta xô (đơn giá 57.900 đồng/kg). Tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế VAT 11.580.000.000 đồng, thời gian giao hàng từ ngày 20/11/2023 đến ngày 30/11/2023.

Tổng số cà phê Công ty L đồng ý bán cho Công ty T 500.000kg với tổng giá trị chưa bao gồm thuế VAT 28.890.000.000 đồng.

Thực hiện thỏa thuận Công ty L đã giao cho Công ty T được 241.000kg cà phê với tổng số tiền 13.905.700.000 đồng tương ứng với 08 hóa đơn giá trị gia tăng mà Công ty đã xuất như phía nguyên đơn trình bày.

Số cà phê còn lại 259.000kg, Công ty L chưa giao được vì nguồn hàng công ty mua từ Công ty Vũ Phú An không giao nên không thực hiện giao hàng theo thỏa thuận.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty L đề nghị Công ty T gia hạn thêm thời hạn thực hiện hợp đồng; nếu như hai bên thỏa thuận hủy hợp đồng thì chấp nhận bồi thường 2.000 đồng/kg theo các hợp đồng đã ký kết và đề nghị không phạt hợp đồng theo thỏa thuận.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2025/KDTM-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực W, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T tổng cộng 10.301.444.000 (Mười tỷ ba trăm lẻ một triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng (trong đó, bồi thường thiệt hại 9.102.700.000 đồng và phạt vi phạm hợp đồng 1.198.744.000 đồng) phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 031123/TT-QPL ngày 03/11/2023 và Hợp đồng kinh tế số 061123/TT-QPL ngày 06/11/2023.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải nộp 118.301.000 (Một trăm mười tám triệu ba trăm lẻ một nghìn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T 59.150.000 (Năm mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005680 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện F3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Khu vực W Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 12/9/2025, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự tại cấp phúc thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn L, sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần

yêu cầu khởi kiện của Công ty T, buộc Công ty L bồi thường 8.358.700.000 đồng và thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng 1.198.744.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn L làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn có đủ căn cứ để xác định:

[2.1] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại số tiền chênh lệch 9.102.700.000 đồng:

Ngày 03/11/2023, Công ty T và Công ty L thỏa thuận ký hợp đồng kinh tế số 031123/TT-QPL về việc mua bán 300.000kg cà phê Robusta xô (đơn giá 57.700 đồng/kg). Tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế VAT là 17.310.000.000 đồng, thời gian giao hàng từ ngày 20/11/2023 đến ngày 30/11/2023. Đến ngày 06/11/2023, hai bên tiếp tục thỏa thuận ký hợp đồng kinh tế số 061123/TT-QPL về việc mua bán 200.000kg cà phê Robusta xô (đơn giá 57.900 đồng/kg). Tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế VAT là 11.580.000.000 đồng, thời gian giao hàng từ ngày 20/11/2023 đến ngày 30/11/2023. Tổng số cà phê Công ty L bán cho Công ty T 500.000kg với tổng giá trị chưa bao gồm thuế VAT là 28.890.000.000 đồng.

Đến ngày 20/12/2023, Công ty L chỉ mới giao cho Công ty T tổng cộng 241.000kg cà phê với tổng số tiền 13.905.700.000 đồng. Số cà phê Công ty L chưa giao cho Công ty T là 259.000kg tương đương số tiền 14.984.300.000 đồng theo thỏa thuận.

Công ty L không giao đủ số cà phê còn lại nên Công ty T phải mua cà phê từ đơn vị khác để giao cho đối tác là 259.000kg với tổng giá trị 24.087.000.000 đồng, chênh lệch 9.102.700.000 đồng. Vì vậy, Công ty T yêu cầu Công ty L bồi thường thiệt hại 9.102.700.000 đồng và phạt vi phạm hợp đồng 1.198.744.000 đồng tương ứng 8% trên giá trị phần nghĩa vụ chưa thực hiện theo Hợp đồng kinh tế số 031123/TT-QPL ngày 03/11/2023 và Hợp đồng kinh tế số 061123/TT-QPL ngày 06/11/2023.

Công ty L đề nghị gia hạn thêm thời hạn thực hiện hợp đồng; nếu như hai bên thỏa thuận hủy hợp đồng thì chấp nhận bồi thường 2.000 đồng/kg đối với số cà phê giao còn thiếu theo các hợp đồng đã ký kết và đề nghị không phạt hợp đồng.

Việc Công ty L giao thiếu 259.000kg cà phê cho Công ty T là vi phạm Hợp đồng kinh tế số 031123/TT-QPL ngày 03/11/2023 và Hợp đồng kinh tế số 061123/TT-QPL ngày 06/11/2023 về số lượng hàng hóa được giao theo thỏa thuận. Nguyên đơn cho rằng để có hàng giao cho đối tác Công ty T phải mua

259.000kg cà phê thay thế từ Công ty Cổ phần V với giá 93.000 đồng/kg với tổng số tiền 24.087.000.000 đồng, chênh lệch 9.102.700.000 đồng so với đơn giá của Công ty L chưa giao nên yêu cầu bị đơn bồi thường khoản tiền chênh lệch này.

Tuy nhiên, căn cứ Hợp đồng kinh tế số 080324-01/ADTV-TT ngày 08/3/2024 (“Hợp đồng 3”), Phụ lục hợp đồng số 080324-1/ADTV-TT/PL1 ngày 07/5/2024 (“Phụ lục 1”), Phụ lục hợp đồng số 080324-1/ADTV-TT/PL2 ngày 11/7/2025 (“Phụ lục 2”) và các Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 04/9/2025 mà Công ty V xuất cho Công ty T, Công ty T chỉ mua 251.000kg cà phê thay thế từ Công ty V với đơn giá 93.000 đồng/kg, tổng số tiền chưa bao gồm VAT là 23.343.000.000 đồng.

Như vậy số tiền chênh lệch thực tế được tính như sau:

23.343.000.000 đồng - 14.984.300.000 đồng = 8.358.700.000 đồng

Số tiền chênh lệch thực tế này phù hợp với số lượng và tổng giá trị hàng hóa tại Hợp đồng 3 đã được Công ty T và Công ty V thỏa thuận thay đổi tại Phụ lục 2 và được ghi nhận tại các Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 04/9/2025.

Do Công ty T chỉ mua 251.000kg cà phê thay thế từ Công ty V, ít hơn 8000kg so với số cà phê giao thiếu của Công ty L, nhưng lại yêu cầu Công ty L bồi thường giá trị 259.000kg cà phê theo đơn giá 93.000 đồng/kg của Công ty V. Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ Phụ lục 2 và các Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 04/9/2025 để xác định chính xác số lượng hàng hóa mua thay thế và thiệt hại thực tế phát sinh, dẫn đến việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường của Công ty T đối với số tiền chênh lệch 9.102.700.000 đồng là chưa bảo đảm căn cứ.

Việc bồi thường thiệt hại phải được xác định dựa trên thiệt hại thực tế theo quy định tại các Điều 303, Điều 304 Luật Thương mại 2005; Công ty T phải cung cấp tài liệu chứng minh thiệt hại thực tế. Số tiền chênh lệch thực tế chưa bao gồm VAT mà Công ty T phải bỏ ra thêm để mua cà phê thay thế là 8.358.700.000 đồng chứ không phải số tiền chênh lệch 9.102.700.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu. Do đó, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty T, buộc Công ty L bồi thường 8.358.700.000 đồng nên sửa phần này của án sơ thẩm.

Đối với 8000kg cà phê chênh lệch, Công ty T không cung cấp được tài liệu chứng minh thiệt hại thực tế gây ra bởi hành vi giao thiếu hàng của Công ty L nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc phạt vi phạm hợp đồng:

Tại Hợp đồng kinh tế số 031123/TT-QPL ngày 03/11/2023 và Hợp đồng kinh tế số 061123/TT-QPL ngày 06/11/2023 có thỏa thuận:

“Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản ghi trên hợp đồng, nếu bên nào tự ý vi phạm thì phải chịu phạt 20% giá trị hợp đồng, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho bên kia. Mọi tranh chấp

(nếu có) sẽ do Tòa án tỉnh Bình Thuận phán quyết”.

Như vậy, các bên thỏa thuận nếu bên nào tự ý vi phạm thì phải chịu phạt 20% giá trị hợp đồng, Công ty T chỉ yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng 8% trên tổng số hàng còn thiếu là có lợi cho bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phạt vi phạm 8% trên số hàng giao thiếu 259.000kg tương đương 14.984.300.000 đồng để buộc Công ty L chịu phạt 1.198.744.000 đồng là có cơ sở.

Vì vậy có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm như đã nhận định phần trên.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí trên phần yêu cầu không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí trên yêu cầu được chấp nhận của nguyên đơn.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm do được chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn L.

Sửa một phần bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải bồi thường thiệt hại là 8.358.700.000 đồng và thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng là 1.198.744.000 đồng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T, tổng cộng 9.557.444.000 (Chín tỷ năm trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 031123/TT-QPL ngày 03/11/2023 và Hợp đồng kinh tế số 061123/TT-QPL ngày 06/11/2023.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải nộp 117.557.444 đồng.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải chịu 33.760.000 đồng được khấu trừ vào 59.150.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005680 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện F3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực W, Thành phố Hồ Chí Minh). Công ty Trách nhiệm hữu hạn T được nhận lại 25.390.000 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn L 2.000.000 đồng theo Biên lai thu ký hiệu BLTU/25E số 0017181 ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- TAND khu vực W;
- Phòng THADS khu vực W;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thọ Viên

